

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 16-5-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoà;
- Ông Nguyễn Lộc.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 728/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thị Kim H, sinh năm: 1974, tại huyện PM, tỉnh BD; nơi cư trú: Thôn HHN, xã MT, huyện PM, tỉnh BD; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; con ông Trần C (chết) và bà Trần Thị C1; có chồng và 04 người con, lớn nhất, sinh năm 1996 và nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/7/2022, bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bình Định khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 của Bộ Luật hình sự. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định trong vụ án khác, có mặt.

- **Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm: 1965; nơi cư trú: Thôn BT, xã MQ, huyện PM, tỉnh BD. (Có mặt)

2. Bà Trần Thị C3, sinh năm: 1964; nơi cư trú: Thôn BT, xã MQ, huyện PM, tỉnh BD. (Có mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Chị Phan Thị K, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn AB, xã ML, huyện

PM, tỉnh BD; chỗ ở hiện nay: Thôn LT, xã MC, huyện PM, tỉnh BD; (Vắng mặt)

2. Anh Lê Đình V, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn HHB, xã MT, huyện PM, tỉnh BD; (Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Tô N, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Thôn HHB, xã MT, huyện PM, tỉnh BD. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn C2 có con là Nguyễn Văn C4 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định bắt giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vào ngày 30/6/2021. Vì thương con nên vợ chồng ông C2 đã tìm cách để giảm hình phạt, giúp C4 được hưởng án treo. Biết cháu họ là Trần Thị Kim H làm nghề “Phong thủy”, có nhiều mối quan hệ trong xã hội nên vợ chồng ông C2 chủ động đến nhà H nhờ tìm cách “chạy án” cho con.

Sáng ngày 08/7/2021, tại nhà H, khi được vợ chồng ông C2 đặt vấn đề “chạy án” cho C4 thì H gọi điện thoại cho một người mà H khai là Phan Thị K thì K hứa sẽ giúp. Sau khi cuộc gọi giữa H và người tên K nói trên xong thì H đồng ý và hứa sẽ giúp để C4 sớm được về với gia đình. H hướng dẫn ông C2 viết giấy giao nhận tiền rồi cả H và ông C2 cùng ký xác nhận vào giấy để làm tin, nên vợ chồng ông C2 giao cho H số tiền 20.000.000 đồng. H hứa nếu không lo giảm án được cho con của ông C2 thì sẽ hoàn trả số tiền lại cho gia đình. Khoảng một vài ngày sau, H tiếp tục gọi điện thoại cho ông C2 nói chuẩn bị tiền cầm xuống nhà của H. Tại nhà của H, ông C2 giao cho H số tiền 50.000.000 đồng, H ký xác nhận vào giấy nhận tiền lần trước. H còn nói sau này nếu có đưa tiền thì ông C2 tự viết vào mặt phía sau tờ giấy nhận tiền nói trên.

Sau đó, cứ khoảng vài ngày thì H gọi điện thoại cho ông C2 nói chuẩn bị tiền để lo “chạy án” cho con trai của ông C2. Vợ chồng ông C2 sử dụng số tiền tích góp và vay mượn để đưa cho H. Để nhận tiền lo “chạy án” từ vợ chồng ông C2, H nhờ nhiều người nhận tiền giúp mình. Cứ như vậy, từ tháng 7/2021 đến tháng 3/2022, vợ chồng ông C2 đã giao cho H tổng số tiền 420.000.000 đồng tiền mặt Việt nam đồng. Nhận được tiền H không tìm cách “chạy án” cho con của ông C2 mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân đến nay đã dùng hết số tiền này.

Đến ngày 11/3/2022, khi đọc báo vợ chồng ông C2 phát hiện H bị Công an tỉnh Bình Định bắt tạm giam trong một vụ án khác. Đến ngày 17/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đưa ra xét xử và tuyên phạt Nguyễn Văn C4 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thì vợ chồng ông C2 biết mình bị lừa nên báo cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Mỹ đã tạm giữ 01 (một) giấy giao nhận tiền giữa Nguyễn Văn C2 và Trần Thị Kim H.

Giấy này ghi lại số tiền giao nhận ở 02 (hai) lần đầu tiên với tổng số tiền 70.000.000 đồng.

Về dân sự: Bị cáo Trần Thị Kim H chưa bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho ông Nguyễn Văn C2 và bà Trần Thị C3.

Tại Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSPM, ngày 31/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đã truy tố Trần Thị Kim H ra trước Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên; bị cáo đồng ý trả lại số tiền 420.000.000 đồng cho vợ chồng ông C2, bà C3.

Bị hại Nguyễn Văn C2 và bà Trần Thị C3 xác định: Do quen biết và tin tưởng bị cáo Trần Thị Kim H, nên từ tháng 7/2021 đến tháng 3/2022, vợ chồng ông C2, bà H đã nhiều lần giao cho bị cáo H với tổng số tiền 420.000.000 đồng, mục đích là để bị cáo H chạy án cho con ruột là Trần Văn C4 bị Công an tỉnh Bình Định bắt giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi giao tiền cho bị cáo H, nhưng bị cáo H không thực hiện như lời hứa và đến nay chưa trả lại cho vợ chồng ông C2 số tiền nói trên. Vợ chồng ông C2 đề nghị xử phạt bị cáo H theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo H trả lại số tiền 420.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định giữ nguyên quyết định truy tố, nêu luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim H từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Thị Kim H trả lại cho vợ chồng bị hại Nguyễn Văn C2 và Trần Thị C3 số tiền 420.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Mỹ; Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện

đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 3/2022, bị cáo Trần Thị Kim H không có điều kiện, khả năng để giúp con trai của vợ chồng ông Nguyễn Văn C2, bà Trần Thị C3 được tại ngoại, được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Bị cáo H đã đưa ra thông tin gian dối, hứa hẹn về việc “chạy án” để vợ chồng ông C2 tin tưởng và vợ chồng ông C2, bà C3 đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo H với tổng là 420.000.000 đồng tiền mặt Việt nam đồng. Bị cáo H đã chiếm đoạt số tiền 420.000.000 đồng và sử dụng vào mục đích cá nhân không có khả năng trả lại cho vợ chồng ông C2.

Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức được việc đưa ra thông tin gian dối, tạo sự tin tưởng của người khác nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì nhu cầu tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Trần Thị Kim H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 31/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo Trần Thị Kim H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo H không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và góp phần trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 420.000.000 đồng mà bị cáo H đã chiếm đoạt của vợ chồng ông C2, bà C3 đến nay bị cáo chưa trả lại. Vợ chồng ông C2g, bà C3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 420.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của vợ chồng ông C2, bà C3 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Do đó, buộc bị cáo Hoa trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C2g và bà Trần Thị C3 số tiền là 420.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Mỹ đã tạm giữ 01 (một) giấy giao nhận tiền giữa Nguyễn Văn C2 và Trần Thị Kim H. Đây là tài liệu trong hồ sơ vụ án, nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[9] Trong vụ án này, bị cáo H cho rằng có mối quan hệ “chạy án” với Phan Thị K. Quá trình điều tra, Phan Thị K không thừa nhận liên quan đến việc “chạy án” với bị cáo H và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh K liên quan đến bị cáo H trong việc “chạy án”. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Mỹ không xử lý K là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị hình phạt đối với bị cáo đều phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim H 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Kim H phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C2 và bà Trần Thị C3 số tiền 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị Kim H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.800.000 (Hai mươi triệu tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phù Mỹ;
- Công an H. Phù Mỹ;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS H. Phù Mỹ;
- Lưu VP- HSVA;
- THA phạt tù.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng